TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THUẬN HÓA** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **216**/2025/QĐST-HNGĐ	*Thuận Hóa, ngày 05 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THUẬN HÓA, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 259/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Anh Trần Phước H**, sinh năm 1992; địa chỉ: Số X đường A, phường B, quận T, thành phố Huế.

2. **Chị Võ Thị Kiều M**, sinh năm 2000; địa chỉ: Số X đường A, phường B, quận T, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Phước H và chị Võ Thị Kiều M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2018 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay thuộc quận T, thành phố Huế nên hôn nhân của anh H, chị M là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh H và chị M chung sống với nhau được khoảng gần 06 năm, đến năm 2023 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống. Anh H và chị M đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay. Nay anh H và chị M đã hết tình cảm, không thể quay lại chung sống với nhau nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H và chị M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh H và chị M là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Trần Phước H và chị Võ Thị Kiều M..

[2] Về con chung: Anh Trần Phước H và chị Võ Thị Kiều M đều xác nhận có 02 con chung là Trần Phước H1, sinh ngày 09/3/2018 và Trần Võ Ngọc H2, sinh ngày 09/01/2021. Anh H và chị M thỏa thuận giao con Trần Phước H1 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao con Trần Võ Ngọc H2 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H, chị M không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản chung: Anh Trần Phước H và chị Võ Thị Kiều M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Trần Phước H và chị Võ Thị Kiều M xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Phước H và chị Võ Thị Kiều M mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh H và chị M đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25 số 0000907 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Huế. Anh H, chị M đã nộp đủ.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyên ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Phước H và chị Võ Thị Kiều M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trần Phước H và chị Võ Thị Kiều M thỏa thuận giao con Trần Phước H1, sinh ngày 09/3/2018 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao con Trần Võ Ngọc H2, sinh ngày 09/01/2021 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H, chị M không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Trần Phước H và chị Võ Thị Kiều M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Trần Phước H và chị Võ Thị Kiều M xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Phước H và chị Võ Thị Kiều M mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh H và chị M đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25 số 0000907 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Huế. Anh H, chị M đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Thuận Hóa;
- TAND quận Thuận Hóa;
- Chi cục THADS quận Thuận Hóa;
- Các đương sự;
- UBND phường B
(ĐKKH số 116 ngày 20/12/2018);
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình